TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:88/2023/HS-ST
Ngày 14 / 8/ 2023;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Miến;

Bà Nguyễn Thị Mai;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, Thư ký, Toà án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81 /2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn , sinh ngày 01/01/1958, tại huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm ruông (chức vụ Phó trưởng thôn); Trình độ học vấn: 07/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Hoàng Văn Mai (đã chết); con bà Nguyễn Thị Thức, sinh năm 1929; Vợ là Nguyễn Thị Tháu, sinh năm 1958; con: 03 con, con lớn sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1989;Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: không. Danh chỉ bản số 246 do Công an huyện T lập ngày 02/10/2022. Có mặt.

2. Nguyễn X S, sinh ngày 03/10/1953, tại huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn Sắt (đã chết); con bà Nguyễn Thị Thụ (đã chết); Vợ là Bùi Thị Toàn, sinh năm 1955; con: 03 con, con lớn sinh năm 1980, con nhỏ

nhất sinh năm 1989;Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: không. Danh chỉ bản số 245 do Công an huyện T lập ngày 02/10/2022. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn X S: Bà Nguyễn Thị Hà – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố H. Có mặt;

3. Hoàng Văn T, sinh ngày 02/2/1957, tại huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Hoàng Văn Thảo (đã chết); con bà Bùi Thị Tý (đã chết); Vợ là Nguyễn Thị Thẩn, sinh năm 1962; con: 03 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1989;Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: không. Danh chỉ bản số 243 do Công an huyện T lập ngày 02/10/2022. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T: Bà Nguyễn Thị Vinh – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố H. vắng mặt;

4. Hoàng Thị X, sinh ngày 30/12/1977, tại huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Con ông Hoàng Văn Chiêm, sinh năm 1951; con bà Bùi Thị Lái, sinh năm 1958; Chồng là Nguyễn Văn Trang, sinh năm 1970; con: 04 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2007;Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: không. Danh chỉ bản số 244 do Công an huyện T lập ngày 02/10/2022. Có mặt.

5. Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/1998, tại huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn Hưng, sinh năm 1971; con bà Đỗ Thị Hà, sinh năm 1974; Vợ là Bùi Thị T Vân, sinh năm 2000; con: 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: không. Danh chỉ bản số 300 do Công an huyện T lập ngày 29/11/2022. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Hợi, sinh năm 1989; vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Văn Tuất, sinh năm 1985; vắng mặt;

3. Anh Nguyễn Văn Nguyên, sinh năm 1993; vắng mặt;

4. Chị Phùng Thị Thơm, sinh năm 1985; vắng mặt;

5. Ông Bùi Văn Sơn, sinh năm 1967; vắng mặt

Đều trú tại: Thôn M, xã T, huyện T, Thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H được thành lập trên cơ sở sáp nhập thôn Cầu Giáo và thôn Cầu Sông theo Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 09/01/2022 của UBND Thành phố H. Mặc dù sáp nhập chung một thôn nhưng một số hoạt động vẫn độc lập, riêng biệt theo thôn cũ, mỗi thôn đều có quỹ sinh hoạt riêng.

Thửa đất số 07 tờ bản đồ số 20 diện tích 481,6 m^2 tại thôn M 2 (gọi tắt là thửa đất số 07) là đất công ích do UBND xã T quản lý và giao cho thôn Cầu Giáo cũ từ khoảng năm 1993, Ban lãnh đạo thôn sau đó đã thống nhất giao thửa đất này cho Đoàn T niên thôn quản lý, canh tác hàng năm để lấy kinh phí phục vụ cho các hoạt động của phong trào Đoàn và các hoạt động của T, tH nhi trong thôn. Từ thời điểm đó đến cuối năm 2021, Đoàn T niên của thôn Cầu Giáo cũ vẫn quản lý, canh tác hoặc cho người dân trong thôn có nhu cầu canh tác rồi thu tiền hàng năm làm quỹ sinh hoạt.

Đầu năm 2020, Hoàng Văn được nhân dân thôn M 2 bầu làm phó trưởng thôn. Ngày 06/9/2020, chủ tịch UBND xã T ra Quyết định số 148/QĐ- UBND về việc công nhận chức danh phó trưởng thôn M 2 nhiệm kỳ 2020-2023. Nội dung của Quyết định quy định về nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Phó trưởng thôn: Được quy định tại Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2029 của UBND Thành phố H về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bản thành phố H; Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do Trưởng thôn giao và theo sự chỉ đạo của UBND xã.

Cuối tháng 01/2022, ông Bùi Văn Sơn, sinh năm: 1967, trú tại: thôn M 2, T, huyện T, Thành phố H (thôn Cầu Sông cũ) gặp bị cáo Hoàng Văn trao đổi và hỏi mua thửa đất 07 tại thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H với giá 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* để trồng cây. Do đây là thửa đất công nên cần có sự thống nhất của các đoàn thể trong thôn như: Chi bộ, Lãnh đạo thôn, Đoàn T niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ nên bị cáo đã mời bị cáo Hoàng Văn T (sinh năm: 1957 là Chi hội trưởng chi hội Cựu chiến binh), bị cáo Nguyễn X S (sinh năm: 1953 là Phó bí thư Chi bộ thôn M 2), bị cáo Hoàng Thị X (sinh năm: 1977 là Chi hội trưởng chi hội Phụ nữ thôn) và bị cáo Nguyễn Văn H, (sinh năm: 1998 là Phó bí thư Chi đoàn thôn M 2) đến nhà văn hoá thôn Cầu Giáo cùng trao đổi và thống nhất chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Sơn. Sau đó, bị cáo , T và X đã đến nhà ông Sơn để trao đổi và thống nhất việc chuyển nhượng với giá tiền là 150.000.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng)*. Khoảng ngày 06/02/2022, bị cáo T đến nhà ông Sơn nhận số tiền 147.000.000đ *(một trăm bốn mươi bảy triệu đồng)* (bớt cho ông Sơn 3.000.000đ (ba triệu đồng) gọi là "tiền ra lộc"). Khoảng ngày 08/02/2022, bị

cáo T bàn giao số tiền 147.000.000đ cho bị cáo . Buổi tối cùng ngày các bị cáo , T, S, X, anh Nguyễn Văn Hợi, sinh năm:1989, trú tại: thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H (nguyên là Bí thư chi Đoàn được mời dự vì thời điểm này can bị cáo H đang đi chơi tại Sa Pa - Lào Cai) đã đến nhà văn hoá thôn Cầu Giáo cũ để trao đổi về việc sử dụng số tiền bán thửa đất trên. Các bị cáo đã thống nhất sẽ chia đều số tiền đó cho 07 đoàn thể của thôn Cầu Giáo cũ gồm: Đoàn T niên; Chi hội nông dân, Chi hội phụ nữ, Chi hội người cao tuổi, Chi hội cựu chiến binh, Hội Cựu quân nhân, TH nhi để làm quỹ hoạt động, mỗi đoàn thể 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng)*. Còn lại 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)* trích lại chi cho người dân nào trong thôn Cầu Giáo cũ đứng ra "nhận" thửa đất công này là đất trồng sắn được giao theo tiêu chuẩn của hộ để đứng ra bán cho ông Sơn, mục đích đứng tên cá nhân chuyển nhượng để thuận tiện cho việc làm giấy tờ liên quan đến thửa đất trên sau này. Anh Nguyễn Văn Hợi do đã nghỉ công tác Đoàn nên chỉ đến dự, tiếp thu ý kiến của các ban ngành trong thôn thông báo lại cho bị cáo H tổ chức lấy ý kiến của T niên trong thôn rồi sẽ quyết định. Khi ra về bị cáo đã gọi anh Hợi vào nhà đưa trước cho anh Hợi số tiền 39.000.000đ (*ba mười chín triệu đồng*) là phần của Chi Đoàn và tH nhi để anh Hợi mang về giao cho bị cáo H.

Ngày 12/2/2022, chi Đoàn thôn M 2 đã tổ chức cuộc họp bất thường của T niên thôn Cầu Giáo (cũ) do anh Nguyễn Văn Hợi chủ trì có mời các bị cáo , T, S, X, H dự họp. Tại cuộc họp anh Hợi thông báo về việc đại diện Ban công tác mặt trận thôn đã chuyển nhượng thửa đất công giao cho Chi đoàn T niên thôn quản lý được số tiền và thống nhất chia đều số tiền đó cho tất cả các đoàn thể của thôn để lấy quỹ hoạt động. Sau đó, bị cáo thông báo lại nội dung việc đại diện Ban công tác mặt trận thôn đã thống nhất chuyển nhượng thửa đất trên được số tiền 150.000.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng)* và đã bớt cho người mua 3.000.000đ *(ba triệu đồng)* còn lại 147.000.000đ *(một trăm bốn mươi bảy triệu đồng)*. Ban công tác mặt trận thôn sẽ trích 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)* cho người dân nào trong thôn đứng ra nhận thửa đất đó là đất trồng sắn của hộ được giao theo tiêu chuẩn và đứng tên bán cho ông Sơn. Số tiền 140.000.000đ (*một trăm bốn mươi triệu đồng*) còn lại sẽ chia đều cho các đoàn thể của thôn để làm quỹ hoạt động mỗi đoàn thể 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Sau khi thảo luận, các ý kiến của Đoàn viên, T niên trong cuộc họp đều không đồng ý chia đều số tiền đó mà đề nghị được giữ lại toàn bộ số tiền đó để phục vụ hoạt động của T niên, tH nhi. Cuộc họp kết thúc tất cả những người tham dự cuộc họp đều thống nhất giao số tiền 140.000.000đ (*một trăm bốn mươi triệu đồng*) cho Chi đoàn T niên, trực tiếp là bị cáo H - Phó bí thư chi đoàn thôn quản lý, bằng hình thức gửi tiết kiệm ngân hàng, hàng năm rút tiền lãi phục vụ sinh hoạt của tH nhi trong thôn. Ngày 14/2/2022, anh Hợi đã bàn giao cho bị cáo H số tiền 39.000.000đ (*ba mươi chín triệu đồng)*. Buổi tối ngày 14/2/2022, bị cáo H và Hợi đã đến nhà ông để nhận nốt số tiền

101.000.000đ (*một trăm linh một triệu đồng*) còn lại. Ngày 21/2/2022, bị cáo H đã mang số tiền 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) đi gửi vào 01 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Hoà Lạc mang tên của H, còn 10.000.000đ (*Mười triệu đồng)* Ban lãnh đạo thôn thống nhất giao H giữ lại để phục vụ sinh hoạt của T, tH nhi trong năm 2022. Bị cáo Hoàng Văn giữ lại số tiền 7.000.000đ (*bảy triệu đồn*g) để chi cho người dân nào đứng ra nhận bán thửa đất tuy nhiên sau đó không có ai đứng ra nhận vì nếu nhận đứng tên bán thửa đất trên thì sau này phần diện tích đất trồng sắn của hộ gia đình đó được giao theo tiêu chuẩn trước đó sẽ bị giảm.

Tháng 5/2022, sau khi biết Cơ quan CSĐT - Công an huyện T tiến hành xác minh vụ việc thì ông Sơn đã yêu cầu ban lãnh đạo thôn M 2 hoàn trả lại số tiền mua đất, ông Sơn trả lại thửa đất trên cho thôn. Bị cáo đã bảo bị cáo H đi rút tiền về trả lại cho ông Bùi Văn Sơn. Ngày 18/5/2022, H đã đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoà Lạc rút tiền sau đó đưa tổng số tiền 140.000.000đ *(một trăm bốn mươi triệu)* cho bị cáo . Bị cáo nhận tiền từ bị cáo H rồi đưa cho bị cáo T tổng số tiền 147.000.000đ *(một trăm bốn mươi bảy triệu đồng)* để bị cáo T mang đến nhà trả lại cho ông Sơn (bao gồm cả 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)* bị cáo đang giữ chưa đưa cho bị cáo H).

Vật chứng thu giữ:

- 01 quyển sổ màu xanh, trên bề mặt bìa sổ có dán chữ "Sổ giao nhận", bên trong sổ có 15 trang giấy có ghi nội dung và có ghi nội dung về việc họp bất thường giữa T niên và ban lãnh đạo xóm về việc bán thửa đất của tH nhi và nội dung bàn giao số tiền 140.000.000đ *(một trăm bốn mươi triệu đồng)* giữa Nguyễn Văn H và Hoàng Văn .

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng);

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng);

Tai bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

Thửa đất nông nghiệp số 07 tờ bản đồ số 20 diện tích 481,6 m2 tại thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H theo bản đồ đo đạc năm 2018 thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý có giá trị tại thời điểm tháng 01/2022 là 50.568.000đ *(Năm mươi triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).*

Tại bản kết luận giám định số 655/KL-KTHS ngày 06/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - CATP H đối với chữ viết, chữ ký trong "Sổ giao nhận" do Nguyễn Văn H giao nộp kết luận:

+ Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Văn H trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh đều do một người viết, ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký mang tên Hoàng Văn trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh đều do một người viết, ký ra.

Tại bản cáo trạng số 113/CT -VKSTT ngày 08 tháng 7 năm 3 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố các bị cáo Hoàng Văn , Nguyễn X S, Hoàng Văn T, Hoàng Thị X và Nguyễn Văn H về tội **"Lạm quyền trong khi thi hành công vụ"** theo quy định tại khoản 1 điều 357 Bộ luật hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Hoàng Văn , Hoàng Thị X, Nguyễn Văn H từ 12 - 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 24 - 30 tháng;

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự; điểm h,s,x khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự : Xử phạt Nguyễn X S. Hoàng Văn T từ 12 -13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 24 - 26 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 30.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn X S: Bị cáo Nguyễn X S là bệnh binh, bị cáo tham gia quân đội từ năm 17 tuổi, sau khi xuất ngũ trở về địa phương bị cáo là người có uy tín trong cộng đồng bị cáo lại tiếp tục giữ các chức vụ khác nhau, như Phó chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, bí thư Đảng ủy xã, vân vân. Trong suốt thời gian đó bị cáo luôn hết lòng hết sức vì công việc chung, chấp hành đúng chính sách đường lối của nhà nước, không vi phạm pháp luật lần nào. Do nhận thức pháp luật hạn chế nên bị cáo đã vi phạm pháp luật, đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội. Thời điểm phạm tội bị cáo đã gần 70 tuổi. Bị cáo mang trong mình nhiều dấu tích của chiến tranh, là bệnh binh với tỷ lệ mất sức đến 65%. Đến nay thỉnh thoảng bị cáo vẫn phải chịu những trận sốt rét đến ghê người từ chiến trường để lại. Cũng chính vì thế mà sức khỏe của bị cáo khi tuổi già đến lại càng yếu đi, kéo theo việc nhận thức và tiếp nhận thông tin cũng không được minh mẫn sáng suốt như khi còn công tác trong quân đội. Vào thời điểm các bị cáo họp bàn về việc chuyển nhượng mảnh đất nêu trên cho ông Sơn, bị cáo mới bị nhiễm covid xong nên vẫn còn mơ hồ trong tiếp nhận thông tin sự việc. Vốn dĩ mảnh đất số 07 tờ bản đồ số 20 diện tích 481,6m2 tại thôn M 2 từ thời điểm được giao năm 1993 đến nay Đoàn T niên vẫn canh tác hoặc cho người dân trong thôn có nhu cầu canh tác rồi thu tiền hàng năm làm quỹ sinh hoạt cho tH nhi. Thời điểm được gọi ra bàn việc chuyển nhượng, bị cáo vẫn mơ hồ cho rằng chỉ chuyển nhượng thôi chứ không bán đứt, chuyển nhượng không đồng nghĩa với bán như người ta vẫn giao dịch trên thị trường. Bị cáo S không hề có một động cơ vụ lợi nào trong quá trình thực hiện giao dịch.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, hậu quả đã được khắc phục (các bị cáo đã trả lại tiền cho ông Sơn). Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất dưới khung hình phạt quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của BLHS.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T: Xuất phát từ sự quản lý lỏng lẻo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai nên bị cáo Hoàng Văn cùng các bị cáo Nguyễn X S, Hoàng Văn T, Hoàng Thị X và Nguyễn Văn H đã chuyển nhượng thửa đất số 07 tờ bản đồ số 20 diện tích 481,6 m^2 đất tại địa chỉ thôn M2 – Xã T, huyện T, thành phố H có giá trị 50.568.000 đồng cho ông Bùi Văn Sơn.

Việc bị cáo Hoàng Văn T cùng các bị cáo khác tham gia vào việc chuyển nhượng thửa đất trên là hành vi không được phép khi thửa đất đó không thuộc thẩm quyền quản lý của cá nhân bị cáo, đó là hành vi tH suy nghĩ chín chắn của bị cáo dẫn đến hậu quả là bị cáo vi phạm về quản lý đất đai của nhà nước trong khi bị cáo với vai trò là Chi hội trưởng hội cựu chiến binh thôn M 2, Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 20 là đất công ích do UBND xã T quản lý và giao cho thôn Cầu Giáo cũ từ khoảng năm 1993, ban lãnh đạo thôn giao cho Đoàn T niên thôn quản lý, canh tác hàng năm để lấy kinh phí phục vụ cho hoạt động của phòng trào đoàn và các hoạt động của T tH niên trong thôn. Như vậy thẩm quyền quản lý thửa đất trên là của đoàn T niên thôn, không thuộc thẩm quyền quản lý và sử dụng của chi hội cựu chiến binh.

Các bị cáo suy nghĩ là thửa đất trên giao cho Đoàn T niên thôn canh tác không có hiệu quả, không mang lại lợi ích kinh tế nên kinh phí hoạt động của đoàn T niên thôn không có, đến ngày lễ tết tH nhi, rằm trung thu lại phải đi vận động người đân đóng góp. Mục đích các bị cáo chuyển nhượng thửa đất trên để lấy kinh phí hoạt động chứ không có mục đích tư lợi gì cho mình, tuy nhiên hành vi thực hiện là trái quy định của pháp luật, đó là một sự lựa chọn sai lầm của các bị cáo.

Quá trình tham gia tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, có nhiều T tích xuất sắc trong công tác và được tặng giấy khen, bản thân bị cáo là người có công với cách mạng. lần đầu phạm tội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s,v,x khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo là người cao tuổi nên đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm d, Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ thu thập được. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Năm 2020, Hoàng Văn được bầu làm phó Trưởng thôn M 2, xã T, huyện T, thành phố H. Khoảng từ cuối tháng 01 năm 2022 đến ngày 06 tháng 02 năm 2022, lợi dụng sự buông lỏng quản lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai. Hoàng Văn đã có hành vi vượt quá thẩm quyền được giao, làm trái quy định của Nhà nước về quản lý đất đai, tự ý cùng Nguyễn X S, Hoàng Văn T, Hoàng Thị X, Nguyễn Văn H chuyển nhượng thửa đất số 07 tờ bản đồ số 20 diện tích 481,6 m^2 địa chỉ tại thôn M 2, xã T, huyện T, Thành phố H trị giá 50.568.000đ *(Năm mươi triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* cho ông Bùi Văn Sơn với giá 147.000.000đ *(Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng)*. Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo không có thẩm quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Sơn. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ* " theo khoản 1 Điều 357 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn áp dụng nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về đất đai, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước nên cần xử lý để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo phạm tội do tH hiểu biết về pháp luật, không nắm rõ được về các quy định của pháp luật về quản lý đất đai và thẩm quyền của mình trong thi hành nhiệm vụ. Các bị cáo đã bàn nhau chuyển nhượng thửa đất đó mục đích để lấy tiền cho các cháu tH nhi hoạt động, không có mục đích vụ lợi cho cá nhân và sau khi bị phát hiện thì các

bị cáo đã hoàn trả ông Sơn tiền và bản thân ông Sơn cũng chưa sử dụng đất nên chưa gây hậu quả cho Nhà nước. Tuy nhiên, đây là vụ án đồng phạm nên cần phải cá thể hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án để xem xét quyết định mức hình phạt cho phù hợp với tính chất, hành vi phạm của từng bị cáo:

Đối với Hoàng Văn là người chủ động đưa vấn đề chuyển nhượng đất ra để bàn bạc với các bị cáo nên có vai trò cao hơn các bị cáo khác.

Đối với Nguyễn X S, Hoàng Văn T, Hoàng Thị X có tham gia bàn bạc việc chuyển nhượng đất và cũng đồng ý chuyển nhượng thửa đất đó cho ông Sơn và tham gia việc bàn bạc sử dụng số tiền bán đất. Bản thân T là người trực tiếp đến nhà ông Sơn để lấy tiền. Do vậy, trong nhóm các bị cáo này thì T có vao trò cao hơn S và X.

Đối với Nguyễn Văn H là bí thư đoàn T niên, khi được các bị cáo X, , S, T thông báo về việc chuyển nhượng đất. Tuy H không tham gia bàn bạc nhưng khi được thông báo H cũng đồng ý. Do vây, hành vi của H là đồng phạm với các bị cáo với trò hạn chế hơn.

[5].Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6].Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hậu quả chưa xảy ra, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo S, bị cáo T là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7]. Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

[8]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo đều là người lao động, nhất thời phạm tội. Phạm tội do tH hiểu biết về pháp luật, các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội không vì mục đích vụ lợi cá nhân nên cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[9]. Đối với Nguyễn Văn Hợi không tham gia trao đổi, thống nhất về việc chuyển nhượng thửa đất. Việc Hợi có mặt, tham gia trao đổi liên quan đến việc sử dụng số tiền bán đất là do H bận nên nhờ Hợi đến thay. Số tiền nhận được từ bị cáo , Hợi đã bàn giao lại cho H. Việc Hợi tổ chức họp T niên là để bàn giao công việc của Chi đoàn cho H và đưa ý kiến của các bị cáo ra để tập thể T niên thôn Cầu Giáo (cũ) quyết định vì thửa đất này T niên, tH nhi trong thôn được giao quản lý. Hợi không đưa ra quyết định cá nhân gì về việc định đoạt số tiền các bị cáo chuyển nhượng thửa

đất trên mà có. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với Nguyễn Văn Hợi về hành vi đồng phạm với các bị cáo của vụ án.

- Đối với số tiền bị cáo Nguyễn Văn H gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoà Lạc: Ngày 21/2/2022, bị cáo H gửi vào Ngân hàng số tiền 130.000.000đ *(một trăm ba mươi triệu đồng)*, đến ngày 18/5/2022, bị cáo H đã rút số tiền đó để đưa cho bị cáo để trả cho ông Bùi Văn Sơn. Ngoài ra, từ ngày 21/2/2022 đến ngày 18/5/2022 số tiền lãi gửi Ngân hàng có được là 30.630đ *(ba mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng)*, bị cáo H nhận được số tiền 30.000đ *(ba mươi nghìn đồng)* từ Ngân hàng chi trả. Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã thu hồi số tiền 30.000đ *(ba mươi nghìn đồng)* trên từ bị cáo H để nhập kho vật chứng theo quy định và chuyển theo hồ sơ vụ án. Đây là tiền thu lời bất chính cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với ông Đỗ Như Giới - Bí thư Chi bộ, ông Bùi Văn Chuyên - Trưởng thôn và anh Đỗ Văn Tiến - Bí thư chi đoàn thôn đều là người thôn Cầu Sông cũ. Ông Giới, ông Chuyên và anh Tiến không biết thông tin về thửa đất các bị cáo không báo cáo việc thoả thuận, chuyển nhượng thửa đất trên. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân trên.

- Đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai của UBND xã T: UBND xã T đã tH kiểm tra, buông lỏng quản lý đối với diện tích đất công ích, đất nông nghiệp được giao cho thôn, việc tH kiểm tra, buông lỏng quản lý thuộc trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã, cán bộ công chức địa chính xã T. Tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T không đề cập xử lý đối với các cá nhân trên là có căn cứ.

[10].*Về án phí*: Các bị cáo Hoàng Văn , Nguyễn X S, Hoàng Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Hoàng Thị X và Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn , Nguyễn X S, Hoàng Văn T, Hoàng Thị X, Nguyễn Văn H** phạm tội " *Lạm quyền trong thi hành công vụ"*.

1.Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự; điểm h,i,s khoản 1Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Hoàng Văn 15** (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: **Hoàng Thị X 13** (mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách **26** (hai mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: **Nguyễn Văn H** 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách **24** (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

2.Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự; điểm h,i,s,x khoản 1Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn X S 12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **24** (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: **Hoàng Văn T 12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **24** (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Hoàng Văn , Nguyễn X S, Hoàng Văn T, Hoàng Thị X, Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố H quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. ***Về xử lý vật chứng***: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **30.000** đồng (Ba mươi nghìn đồng). Theo ủy nhiệm chị số 70 ngày 28/7/2023.

3.***Về án phí***: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Miễn án phí hình sự cho các bị cáo Hoàng Văn , Nguyễn X S, Hoàng Văn T.

Bị cáo Hoàng Thị X, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4.***Về quyền kháng cáo***: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND thành phố H;*
- *CA, VKSND, THA huyện T;*
- *Bị cáo; bị hại;*
- *UBND xã T,, huyện T;*
- *UBKT huyện ủy T;*

- Đảng ủy xã T;
- HS, VP.

Nguyễn Thị Thu Thuỷ